

Bản án số: 80/2020/HS-ST

Ngày 16 - 9 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Đ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Bằng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lò Thị Dĩnh

Bà Nguyễn Thị Việt Hà

- Thư ký phiên toà: Ông Quảng Văn Long - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ tham gia phiên toà: Ông Vũ Đình Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 82/2020/HSST ngày 27 tháng 8 năm 2020, quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79a/2020/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 9 năm 2020, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Đức G** (tên gọi khác: Không) - Sinh năm: 1997; Nơi sinh: Tại tỉnh Điện Biên; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở trước ngày bị bắt: Phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 11/12 phổ thông; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn T - Sinh năm: 1963 và bà Phạm Thị N - Sinh năm 1952; bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án: 01 tiền án. Ngày 26/02/2019, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên xử phạt 18 tháng tù về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 174/BLHS và bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm; 500.000đ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch; bồi thường 10.000.000đ cho anh Lương Thái Đức (theo bản án số 14/2019/HS-ST). Ngày 29/02/2020 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù.

Tiền sự: không:

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/6/2020 đến ngày 05/7/2020 thì bị tạm giam cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 00 giờ 15 phút, ngày 26/6/2020, tại khu vực tổ dân phố 16, phường Him Lam, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, Công an Phường Him Lam phát hiện Nguyễn Đức G đang điều khiển xe mô tô BKS 27B1-243.97 có biểu hiện nghi vấn phạm tội về ma túy, tổ công tác yêu cầu dừng xe và tiến hành kiểm tra, G liền móc trong túi quần bên trái ra hai gói nilon màu trắng giao nộp và khai nhận bên trong mỗi gói có 04 viên hồng phiến là ma túy. G khai nguồn gốc số ma túy là do bị cáo vừa mua của một người đàn ông không quen biết ở khu vực ven đường thuộc bản Xôm, xã Thanh An, huyện Điện Biên hết 400.000 đồng.

Tại Kết luận giám định số 618/GĐ-PC09 ngày 03/7/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên, kết luận: 02 mẫu viên nén màu hồng ký hiệu M1, M2 gửi giám định là chất ma túy, loại Methamphetamine; khối lượng vật chứng ký hiệu M1: 0,42 gam; M2: 0,41 gam. Methamphetamine nằm trong danh mục các chất ma túy, STT: 323, Mục IIC, Danh mục II, Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018.

Tại Bản cáo trạng số: 79/CT- VKSTPĐBP ngày 27/8/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên truy tố bị cáo Nguyễn Đức G về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố và khẳng định hành vi trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo từ 18 tháng đến 24 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có việc làm ổn định, không có tài sản nên không có khả năng thi hành hình phạt bổ sung, đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về vật chứng vụ án: Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự: Tịch thu tiêu hủy 0,77g Methamphetamine (là vật chứng còn lại sau giám định); 02 mảnh nilon màu trắng;

Chấp nhận việc trả lại tài sản của cơ quan cảnh sát điều tra cho anh Nguyễn Tiến Cường.

Về án phí: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 136 của BLTTHS và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban

thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo nhất trí với quyết định truy tố của Viện kiểm sát và không có tranh luận gì với lời luận tội của Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi HĐXX nghị án: Bị cáo đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ xác định: Hồi 00 giờ 15 phút, ngày 26/6/2020, tại khu vực tổ dân phố 16, phường Him Lam, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, Nguyễn Đức G có hành vi cất giấu trái phép 0,83 gam Methamphetamine trên người với mục đích để bản thân sử dụng. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

[2] Về tính chất, mức độ, động cơ hành vi phạm tội của bị cáo: Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức được tác hại của ma túy đối với bản thân và cộng đồng cũng như nhận thức được chính sách pháp luật hình sự của nhà nước đối với những hành vi mua bán, tàng trữ ... trái phép chất ma túy nhưng để thỏa mãn nhu cầu sử dụng ma túy của bản thân, bị cáo đã bất chấp các quy định của pháp luật, cố ý thực hiện hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội lớn, không những xâm phạm những quy định của nhà nước về chế độ quản lý, sử dụng các chất ma túy mà còn ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự trên địa bàn thành phố Đ. Do vậy, cần phải áp dụng một mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Ngày 26/02/2019, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên xử phạt 18 tháng tù về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 174/BLLHS và bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm; 500.000đ án phí dân sự sơ thẩm có gia ngạch; bồi thường 10.000.000đ cho anh Lường Thái Đức (theo bản án số 14/2019/HS-ST). Ngày 29/02/2020 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù. Tính đến ngày 26/6/2020, bị cáo chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng

trách nhiệm hình sự “tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại giai đoạn điều tra, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể bị phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 249 của Bộ luật hình sự, tuy nhiên bị cáo không có tài sản có giá trị. Do vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Từ những phân tích nêu trên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ đã truy tố và kết luận bị cáo phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của BLHS xử phạt bị cáo từ 18 đến 24 tháng tù là có căn cứ, đúng pháp luật, bị cáo không bị oan.

[7] Về các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[8] Trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa bị cáo khai, bị cáo mua ma túy của một người đàn ông nhưng không biết tên, địa chỉ, chính vì vậy, Hội đồng xét xử không có căn cứ để giải quyết trong vụ án.

[9] Về vật chứng vụ án:

Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự: Tịch thu tiêu hủy 0,77g Methamphetamine (là vật chứng còn lại sau giám định); 02 (hai) mảnh nilon màu trắng;

(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 27/8/2020 giữa cơ quan cảnh sát điều tra, Công an thành phố Đ và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ).

Đối với một chiếc xe máy nhãn hiệu YAMAHA NOUVO màu sơn đen - vàng, biển kiểm soát 27B1-243.97, kèm theo chìa khóa xe, là tài sản của anh Nguyễn Tiến Cường. Do anh Cường không biết bị cáo G sử dụng vào việc phạm tội, cơ quan cảnh sát điều tra, Công an thành phố Đ căn cứ Điều 36, 39 và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự trả lại cho chủ sở hữu là

anh Nguyễn Tiến Cương là đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

(Theo biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 04/8/2020 giữa cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Đ với anh Nguyễn Tiến Cương).

[10] Đối với anh Nguyễn Tiến Cương - sinh năm: 1987 và anh Nguyễn Minh Long - sinh năm 1997, cùng địa chỉ: Tổ dân phố 02, phường Nam Thanh, thành phố Đ là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Anh Cương là chủ sở hữu của chiếc xe máy nhãn hiệu YAMAHA NOUVO màu sơn đen - vàng, đeo biển kiểm soát 27B1-243.97, anh Long là người được anh Cương giao quản lý, sử dụng chiếc xe. Anh Long có cho bị cáo G sử dụng xe máy nhưng không biết G sử dụng chiếc xe vào việc phạm tội. Anh Cương đã nhận lại xe, xe không bị hư hỏng gì. Anh Long và anh Cương không yêu cầu bị cáo phải bồi thường và không có yêu cầu khác đối với bị cáo, nên Hội đồng xét xử không triệu tập anh Cương, anh Long đến tham gia phiên tòa.

[11] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của BLTTHS năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự;

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức G phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo 24 (hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ (ngày 26/6/2020).

2. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự: Tịch thu tiêu hủy 0,77g Methamphetamine (là vật chứng còn lại sau giám định); 02 (hai) mảnh nilon màu trắng.

(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 27/8/2020 giữa cơ quan cảnh sát điều tra, Công an thành phố Đ và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ).

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của BLTTHS và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (16/9/2020).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Điện Biên;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- Sở tư pháp;
- VKSND thành phố Đ;
- CA thành phố ĐBP;
- Nhà Tạm giữ Công an TP.Đ;
- Hồ sơ THA hình sự;
- Chi cục THADS TP Đ;
- Bị cáo;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHÂN TÒA**

Nguyễn Thị Bằng

**THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

